TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 331/2022/DS-PT
Ngày 20-12-2022
V/v "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Tiên.

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Cường;

Ông Trần Quốc Vũ.

- ***Thư ký phiên tòa*:** bà Lê Thị Bích – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 328/2022/TLPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2022, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 91/2022/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2022, của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 359/2022/QĐPT-DS ngày 11 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1972; anh Phạm Xuân L, sinh năm 1969; nơi cư trú: 276, tổ 10, ấp 4, xã S, huyện C, Tây Ninh; (chị T có mặt, anh L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: chị Lê Kim H (tên gọi khác: Lành), sinh năm 1976; nơi cư trú: 203, tổ 5, ấp 3, xã S, huyện C, tỉnh Tây Ninh; (có mặt).

3. Người kháng cáo: bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 4 năm 2022 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và chị Lê Kim H có quan hệ quen biết nhau. Ngày 30/10/2010, chị H có vay của chị 20.000.000 đồng; ngày 06/02/2011, vay tiếp 2.000.000 đồng; thỏa thuận tính lãi 3%/tháng. Khi vay chị H có thế chấp cho chị giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 24/11/2014 chị và chị H có tổng kết nợ thì chị H thiếu chị gồm; Tiền vay còn thiếu 9.300.000 đồng; tiền lãi từ ngày 24/4/2013 đến

ngày 24/11/2014 là 8.100.000 đồng; tiền nợ hụi còn lại 14.000.000 đồng; tiền mua thịt heo 1.000.000 đồng. Tổng cộng 32.400.000 đồng.

Từ khi viết giấy nhận nợ 24/11/2014 cho đến nay chị H chưa trả được khoản tiền nào. Chị H hứa hẹn trả nhiều lần nhưng không thực hiện. Chị đến nhà đòi tiền thì được biết chị H đi nước ngoài. Sau khi về nước chị H cũng không trả tiền cho chị. Nay chị khởi kiện yêu cầu chị H trả số tiền 32.400.000 đồng.

Nguyên đơn anh Phạm Xuân L trình bày: Anh là chồng của chị T, qua lời trình bày của chị T, anh thống nhất với ý kiến và yêu cầu của chị T.

Bị đơn chị Lê Kim H trình bày: chị thừa nhận trước đây chị có tham gia chơi hụi do chị T làm chủ thảo nhưng do đã lâu nên chị không nhớ cụ thể chơi vào ngày tháng năm nào. Sau đó chị T nói pháp luật không thừa nhận việc chơi hụi nên chị T làm giấy với nội dung vay tiền 20.000.000 đồng. Qua xem giấy nhận nợ lập ngày 02/11/2014 chị thừa nhận có nợ chị T tổng cộng 31.400.000 đồng và thừa nhận chữ ký, và chữ viết họ tên trong giấy xác nhận là của chị. Sau khi ký giấy nhận nợ thì chị đã trả nhiều lần cho chị T hết khoản nợ này, những lần trả tiền thì chị không làm giấy tờ, chỉ có lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại. Hiện tại chị không còn nợ chị T, anh L khoản tiền nào. Do đó, chị không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của chị T và anh L.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm 91/2022/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2022, của Tòa án nhân dân huyện C*, tỉnh Tây Ninh, quyết định:*

Căn cứ các Điều Điều 463, 466; Điều 430, 440 và Điều 471 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc chị Lê Kim H có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị T, anh Phạm Xuân L 25.937.500 đồng tiền gốc và 964.154 đồng tiền lãi. Tổng cộng 26.901.654 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

*** Nội dung kháng cáo:** ngày 22-9-2022, bị đơn chị Lê Kim H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, không đồng ý khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

Ý kiến Kiểm sát viên:

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:* Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa phúc thẩm dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng:* đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

- *Về nội dung:* đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh Phạm Xuân L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của chị Lê Kim H thấy rằng: các bên xác nhận, các khoản nợ nguyên đơn kiện xuất phát từ khoản vay 20.000.000 đồng ngày 30-10-2010. Theo giấy nợ các bên lập ngày 30-10-2010 âm lịch thể hiện chị H có thế chấp GCNQSDĐ cho chị T. Chị T cho rằng, sau đó chị H trả nợ cho chị T chỉ còn nợ lại 9.300.000 đồng nên chị đã trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị H. Đến năm 2011, chị T cho chị H tham gia hụi, chị H hốt hụi nhưng không góp lại hụi chết cho chị nên chị và chị H chốt nợ và chị H viết giấy nợ cho chị. Qua xem xét giấy nợ ngày 02-11-2014 không thể hiện việc chị H có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị T. Mặt khác, chị H trình bày khi trả tiền, chị T có viết giấy cho chị nhưng chị không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Do đó, chị H cho rằng chị đã trả hết nợ cho chị T nên chị T đã trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị là không có cơ sở. Chị H kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới để chứng minh nên kháng cáo của chị không có cơ sở chấp nhận.

[3] Bản án sơ thẩm tính lãi chị H phải trả cho chị T tính từ ngày 21/4/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 07-9-2022 nhưng lại quy định lãi chậm thi hành án kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án là không đúng, mà phải tính kể từ ngày sau ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, là ngày 08-9-2022. Do đó, Hội đồng xét xử điều chỉnh lại phần quyết định này lại cho phù hợp.

[4] Về án phí phúc thẩm: bị đơn chị H phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận theo quy định tại Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của chị Lê Kim H; giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm 91/2022/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2022, của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ các Điều 463, 466; Điều 430, 440 và Điều 471 và 468 Bộ luật Dân sự; Điều 147; Khoản 2, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Toà án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, anh Phạm Xuân L đối với chị Lê Kim H.

Buộc chị Lê Kim H có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị T, anh Phạm Xuân L 25.937.500 đồng tiền gốc và 964.154 đồng tiền lãi. Tổng cộng 26.901.654 (hai mươi sáu triệu chín trăm lẻ một nghìn sáu trăm năm mươi bốn) đồng.

Kể từ ngày 08-9-2022, cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Lê Kim H phải chịu 1.345.082 (một triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn không trăm tám mươi hai) đồng.

Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị T, anh Phạm Xuân L tiền tạm ứng án phí 810.000 (tám trăm mười nghìn) đồng tại Biên lai thu số 0007320, ngày 27/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh.

3. Án phí phúc thẩm: chị H phải chịu 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm chị H đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0007553 ngày 23-9-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị H đã nộp xong khoản tiền này.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện ;
- CCTTHADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu Tòa DS;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị An Tiên